

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1972.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tr được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào năm 1996 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008 chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan sau đó có thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, nên xảy ra mâu thuẫn. Từ đó đến nay chị Tr vẫn lao động xuất khẩu ở Đài Loan không trở về Việt Nam. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của chị Tr anh xác định chị Tr không cho chị biết và cả gia đình chị Tr đều không biết nên anh không có địa chỉ cụ thể của chị Tr ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Phan Thị Q, sinh ngày 29/12/1997 và con nhỏ là Phan Thanh N, sinh ngày 06/11/2001. Các con đều đã trưởng thành nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Trần Thị Ng là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Tr xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án bà có thông tin cho chị Tr biết thì chị Tr có gọi điện về trao đổi trực tiếp tại buổi làm việc ngày 21/3/2022 với nội dung như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr xác định từ năm 2020 đến nay chị và anh T không còn liên lạc với nhau, chị xác định không còn tình cảm, anh T xin ly hôn chị Tr nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung như anh T đã khai là đúng. Hiện hai con đều đã trưởng thành nên chị không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung: Khi nào chị trở về Việt Nam chị sẽ yêu cầu giải quyết sau, nay chị đang ở nước ngoài nên chị không có đề nghị gì khác.

Hiện chị Tr đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Tr. Về con chung: Đã trưởng thành; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 31173/QLXNC-P5 ngày 15/12/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định chị Nguyễn Thị Tr đã xuất cảnh ngày 06/01/2008 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Phan Thanh T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị Tr ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị Tr là bà Ng có đủ căn cứ xác định chị Tr vẫn liên hệ với bà nhưng bà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn chị Tr và chị Tr cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu nhưng anh T, bà Ng không cung cấp địa chỉ của chị Tr ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa anh Phan Thanh T và chị Nguyễn Thị Tr trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T khai: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008 chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan sau đó có thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, nên xảy ra mâu thuẫn. Từ đó đến nay chị Tr vẫn lao động xuất khẩu ở Đài Loan không trở về Việt Nam. Hiện nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

Phía bị đơn chị Tr mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, chị cũng xác định chị và anh T có mâu thuẫn. Chị Tr xác định không còn tình cảm, anh T xin ly hôn chị nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh T và chị Tr đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho anh T được ly hôn chị Tr là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Phan Thị Q, sinh ngày 29/12/1997 và con nhỏ là Phan Thanh N, sinh ngày 06/11/2001. Đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3] Án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 37; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T với chị Nguyễn Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tr.

2. Về con chung: Con lớn là Phan Thị Q, sinh ngày 29/12/1997 và con nhỏ là Phan Thanh N, sinh ngày 06/11/2001 (Đã trưởng thành)

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Phan Thanh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000075 ngày 24/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Tr được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND P.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương